

Bản án số: 130/2024/DS-ST
Ngày 13-6-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Dung.

Bà Đỗ Thị Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ An Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 287/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần Trọng Trú L**, sinh năm 1986

Địa chỉ: **Số A đường M, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.**

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Kiều Anh T**; địa chỉ: **Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Vĩnh Long** là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27-5-224). (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Đặng Quốc L1**, sinh năm 1978

Địa chỉ: **Số H, khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 20-01-2024 và trong quá trình giải quyết đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông **Kiều Anh T** trình bày:

Vào đầu tháng 5/2023, nguyên đơn được ông **Đặng Quốc L1** giới thiệu về tài sản gồm 4.700 m² đất ở tại nông thôn tại **ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần**

Thơ. Phần đất trên ông **L1** được Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới Lai giao toàn quyền sử dụng theo Quyết định số 568/QĐ-CCTHADS ngày 14-02-2023, quyết định về việc thi hành án theo yêu cầu thi hành án. Ông **L1** mong muốn chuyển nhượng toàn bộ phần đất 4.700 m² lại cho nguyên đơn với giá 3.500.000.000 đồng.

Ông **L1** cho biết do phần đất 4.700m² đang được Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự **huyện T** thi hành án và cần tiền làm các thủ tục tại **Văn phòng đăng ký đất đai huyện T**. Ngày 04-5-2023, nguyên đơn và ông **L1** có ký hợp đồng vay tiền, số công chứng 1309, quyền số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng **Lê Thị Lệ H** chứng nhận. Theo đó, nguyên đơn cho ông **L1** vay số tiền 3.500.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày Hợp đồng được công chứng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận và tuân theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, đến ngày 04-11-2023 là hạn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng vay tiền, mặc dù nhiều lần liên hệ và yêu cầu ông **L1** thanh toán tuy nhiên ông **L1** cố tình kéo dài thời gian và chây ì trong việc thanh toán.

Đến thời điểm hiện tại, nhiều lần cố gắng liên hệ bằng hình thức nhắn tin, gọi điện nhưng nguyên đơn không nhận được phản hồi từ phía ông **L1**, không nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào từ phía ông **L1** theo hợp đồng vay tiền (phần tài sản được giao từ Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự **huyện T**, ông **L1** cố tình nhận tiền đặt cọc của nhiều người thông qua hình thức hợp đồng vay tiền).

Nhận thấy ông **L1** đã có biểu hiện rõ dấu hiệu lừa dối và không thực hiện đúng theo thỏa thuận hợp đồng vay tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông **L1** trả số tiền gốc 3.500.000.000 đồng và thanh toán lãi phát sinh với lãi suất 1,6%/tháng trên số tiền tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện 08 tháng với số tiền tạm tính 448.000.000 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi phải trả là 3.948.000.000 đồng.

Tại phiên tòa,

* *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông **Kiều Anh T** trình bày:*

Nguyên đơn yêu cầu buộc ông **Đặng Quốc L1** trả số tiền đã mượn 3.500.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền ngày 04-5-2023 và trả tiền lãi từ khi vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật, mức lãi suất yêu cầu là 0,8%/tháng.

* Bị đơn – ông **Đặng Quốc L1** vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông **Đặng Quốc L1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông **L1** là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 20-01-2024, thể hiện nguyên đơn có cho bị đơn mượn tiền, do phía bị đơn không trả nợ theo thỏa thuận nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mượn, do đó xác định đây là loại kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn có địa chỉ cư trú tại **quận N** nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1]. *Đối với yêu cầu trả nợ gốc*:

Căn cứ vào Hợp đồng vay tiền ngày 04-5-2023 cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền. Theo Hợp đồng vay tiền ngày 04-5-2023 thể hiện bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 3.500.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày hợp đồng được công chứng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận và tuân theo quy định của pháp luật. Đồng thời, tại giấy cam kết ngày 06-7-2023, bị đơn xác định vào ngày 04-5-2023 bị đơn có ký nhận khoản vay của nguyên đơn với số tiền 3.500.000.000 đồng tại **Phòng C** và bị đơn cam kết khi bán được miếng đất thửa 603, tờ bản đồ số 4 đang nằm trong thi hành án **huyện T** sẽ trả cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng. Do bị đơn không trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả số tiền gốc đã mượn là 3.500.000.000 đồng.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa, bị đơn đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Xét thấy, Hợp đồng vay tiền ngày 04-5-2023 ký giữa nguyên đơn và bị đơn được công chứng hợp pháp, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Theo Hợp đồng vay tiền trên của các bên có thể hiện thời hạn vay tiền và lãi suất vay nên hợp đồng vay tiền giữa các bên là hợp đồng vay tiền có kỳ hạn và có lãi, theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay thể hiện: “ 1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”, đã đến thời hạn thanh toán theo hợp đồng vay tiền nhưng bị đơn không trả nợ, do đó việc nguyên đơn cung cấp được chứng cứ bản gốc Hợp đồng vay tiền ngày 04-5-2023 và bản gốc giấy cam kết ngày 06-7-2023 có chữ viết, chữ ký của bị đơn, đây là căn cứ để Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền mượn 3.500.000.000 đồng.

[3.2]. Đối với yêu cầu tính lãi:

Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo hợp đồng vay tiền nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ khi vay tiền đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,8%/tháng theo quy định của pháp luật. Xét mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu, do hợp đồng vay tiền này chỉ thể hiện mức lãi suất tự thỏa thuận, không ghi rõ mức lãi suất cụ thể mỗi tháng bị đơn phải trả là bao nhiêu, do đó trong trường hợp này theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, mức lãi suất áp dụng đối với yêu cầu của nguyên đơn là không vượt quá 10%/năm, nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất 0,8%/tháng là phù hợp theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận .

Tiền lãi tính từ ngày 04-5-2023 đến ngày 13-6-2024 là: 3.500.000.000 đồng x 0,8%/tháng x 13 tháng 09 ngày = 372.399.997 đồng.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền gốc 3.500.000.000 đồng và tiền lãi 372.399.997 đồng, tổng cộng tiền gốc và lãi bị đơn phải trả là 3.872.399.997 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Trọng Trúc L đối với bị đơn ông **Đặng Quốc L1**.**

Buộc ông **Đặng Quốc L1** có trách nhiệm trả cho ông **Trần Trọng T1 L** số tiền gốc và tiền lãi tổng cộng là 3.872.399.997 đồng (Ba tỷ tám trăm bảy mươi hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông **Đặng Quốc L1** phải chịu án phí là 109.447.999 đồng (Một trăm lẻ chín triệu bốn trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi chín đồng).

- Nguyên đơn ông **Trần Trọng Trúc L** được nhận lại 55.480.000 đồng (Năm mươi lăm triệu bốn trăm tám chục nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000959 ngày 26-02-2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Phượng